

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

*Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Q. Hà Đông, TP Hà Nội*

-----\*\*\*\*\*-----

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**QUÝ 1 NĂM 2021**

**Bao gồm:**

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B01 - DN  
Mẫu số B02 - DN  
Mẫu số B03 - DN  
Mẫu số B09 - DN

Hà Nội, tháng 4 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
<b>A/ Tài sản lưu động</b>	<b>100</b>		<b>1,095,732,543,458</b>	<b>1,189,884,882,669</b>
<b>I/ Tiền và tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2,813,509,760</b>	<b>26,806,701,203</b>
1. Tiền	111		2,813,509,760	26,806,701,203
2. Các khoản tương đương tiền	112			0
<b>II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121			0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>595,438,404,241</b>	<b>775,493,550,423</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	445,094,314,027	691,335,678,306
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	137,966,563,686	72,090,640,413
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	12,377,526,528	12,067,231,704
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			0
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>459,884,172,119</b>	<b>365,025,774,008</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	459,884,172,119	365,025,774,008
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			0
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37,596,457,338</b>	<b>22,558,857,035</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	1,177,825,729	705,677,099
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36,418,631,609	21,853,179,936
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B/ TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>718,740,975,645</b>	<b>698,065,229,429</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>18,540,522,000</b>	<b>18,540,522,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị phụ thuộc	213			0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			0
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	18,540,522,000	18,540,522,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			0
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>512,209,499,843</b>	<b>497,583,560,262</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	387,677,314,123	377,567,775,068
-Nguyên giá	222		584,147,745,310	563,371,827,089
-Giá trị hao mòn lũy kế	223		(196,470,431,187)	(185,804,052,021)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	116,705,547,189	111,632,183,466
-Nguyên giá	225		128,120,903,872	128,120,903,872



Diễn giải	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
-Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11,415,356,683)	(16,488,720,406)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	7,826,638,531	8,383,601,728
-Nguyên giá	228		11,299,505,004	11,299,505,004
-Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,472,866,473)	(2,915,903,276)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			<b>0</b>
-Nguyên giá	231			0
-Giá trị hao mòn lũy kế	232			0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.10</b>	<b>77,720,172,761</b>	<b>59,847,245,065</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		77,720,172,761	59,847,245,065
<b>IV/ Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			0
<b>V/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>110,270,781,041</b>	<b>122,093,902,102</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	110,270,781,041	122,093,902,102
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			0
4. Tài sản dài hạn khác	268			0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,814,473,519,103</b>	<b>1,887,950,112,098</b>
<b>A/ Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>1,342,179,048,744</b>	<b>1,417,021,400,040</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>994,412,978,040</b>	<b>1,105,847,255,961</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	312,701,439,912	394,454,609,755
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	51,239,697,363	49,390,957,979
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	14,865,824,749	14,534,601,448
4. Phải trả người lao động	314			0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		12,000,000	12,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	49,296,065,239	31,505,564,451
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	566,297,950,777	615,949,522,328
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			0
13. Quỹ bình ổn giá	323			0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			0
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>347,766,070,704</b>	<b>311,174,144,079</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	104,031,053,929	105,332,765,929
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			0
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	410,000,000	410,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	243,325,016,775	205,431,378,150
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			0

Diễn giải	Mã số	Thuyết minh	31/03/2021	01/01/2021
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			0
<b>B/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>472,294,470,359</b>	<b>470,928,712,058</b>
<b>I/ Vốn quỹ</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>472,294,470,359</b>	<b>470,928,712,058</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400,000,000,000	400,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			0
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		71,994,876,888	70,629,118,587
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		70,629,118,587	47,417,854,712
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1,365,758,301	23,211,263,875
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			0
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		299,593,471	299,593,471
<b>II/ Nguồn kinh phí</b>	<b>430</b>			<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431			0
2. Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432			0
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,814,473,519,103</b>	<b>1,887,950,112,098</b>

Ngày 29 Tháng 04 Năm 2021

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Trọng Tài

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy



Lê Duy Hưng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Quý 1 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2021	Quý 1 năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	167,211,988,445	51,230,821,367
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		167,211,988,445	51,230,821,367
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	142,925,255,090	52,023,415,196
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24,286,733,355	(792,593,829)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	11,407,833	819,305,894
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18,745,611,535	11,374,818,825
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18,745,611,535	10,306,592,967
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5,149,398,033	4,468,563,873
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		403,131,620	(15,816,670,633)
12. Thu nhập khác	31	VI.6	2,285,054,919	1,668,988,797
13. Chi phí khác	32	VI.7	980,988,663	84,000,714
14. Lợi nhuận khác	40		1,304,066,256	1,584,988,083
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,707,197,876	(14,231,682,550)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	341,439,575	0
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1,365,758,301	(14,231,682,550)
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1,365,758,301	(14,231,682,550)
20. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62			

Ngày 29 Tháng 04 Năm 2021

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Trọng Tài

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thủy



Lê Duy Hưng

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

**Quý 1 năm 2021**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2021	Quý 1 năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1,707,197,876</b>	<b>(14,231,682,550)</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		11,616,124,113	1,797,064,210
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(73,418,202)	(220,543,527)
- Chi phí lãi vay	06		18,745,611,535	277,739,624
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>31,995,515,322</b>	<b>(12,377,422,243)</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		165,489,694,509	(95,434,255,136)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		94,858,398,111	16,255,216,708
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(258,557,043,169)	259,421,057,521
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11,350,972,431	1,668,576,705
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(18,745,611,535)	(277,739,624)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		291,786,209	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(358,714,532)	(270,071,379)
<b>Lưu chuyển tiền thuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>26,324,997,346</b>	<b>168,985,362,552</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(40,761,663,696)	(48,390,994,300)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2,200,000,000	27,000,000,000

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2021	Quý 1 năm 2020
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(10,000,000)	(5,479,390,013)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11,407,833	819,305,894
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(38,560,255,863)</b>	<b>(26,051,078,419)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		186,574,434,657	62,482,469,666
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(193,603,982,581)	(182,686,619,740)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(4,728,385,002)	(2,185,500,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(11,757,932,926)</b>	<b>(122,389,650,074)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(23,993,191,443)</b>	<b>20,544,634,059</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>26,806,701,203</b>	<b>18,747,572,607</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>2,813,509,760</b>	<b>39,292,206,666</b>

Ngày 29 Tháng 04 Năm 2021

NGƯỜI LẬP 



Nguyễn Trọng Tài

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thủy



Lê Duy Hưng

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1/2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh:** Phá dỡ các kết cấu công trình và cấu kiện xây dựng
- Ngành nghề kinh doanh:**
  - San lấp mặt bằng; Xử lý nền móng công trình; Phá dỡ các kết cấu công trình và cấu kiện xây dựng;
  - Mua bán, sửa chữa, cho thuê máy và thiết bị; Xây dựng, giao thông, khai khoáng, công nghiệp, nông nghiệp./.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**  
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- Cấu trúc doanh nghiệp:**  
**Công ty con:**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp thực tế</i>	<i>Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu trước thoái vốn</i>
Công ty TNHH Vĩnh Hóa	Tầng 6 tòa nhà Việt Á, số 9 phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	99%	99%	

Công ty TNHH Vĩnh Hóa hiện chưa đi vào hoạt động, đang trong quá trình đầu tư xây dựng nhà máy gạch tuynel

#### Chi nhánh:

<i>Tên Chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty CP Tập đoàn Đua Fat tại Ninh Bình	Xóm 12, Xã Kim Tân, Huyện Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình	Xây dựng, khai thác cảng biển

### II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần tập đoàn Đua Fat (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### **2. Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán và nguyên tắc hạch toán chênh lệch tỷ giá**

Công ty có phát sinh các giao dịch bằng các ngoại tệ: USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính/kỳ kế toán.

### **5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có. Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công, chi phí khấu hao tài sản dùng cho hoạt động sản xuất và các chi phí sản xuất chung liên quan đến hoạt động sản xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03-20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-08
Tài sản cố định khác	02-05

### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

### 9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

#### *Công cụ, dụng cụ*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### ***Chi phí trả trước khác***

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;

- Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được đánh giá theo số thực tế có thể thu hồi.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, kế toán phải đánh giá lại tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ:

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi;

- Tỷ giá áp dụng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn).

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **14. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

### **15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

-

### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

### 18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 20. Công cụ tài chính

#### *a) Tài sản tài chính*

#### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

tài sản này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **b) Nợ phải trả tài chính**

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

### ***c) Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Báo cáo theo bộ phận được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 của Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.140.085.224	1.682.329.688
Tiền gửi ngân hàng	1.673.424.536	25.124.371.515
<b>Cộng</b>	<b><u>2.813.509.760</u></b>	<b><u>26.806.701.203</u></b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	55.574.906.660	129.603.070.025
Công ty Cổ phần Thương mại, Dịch vụ, Du lịch	19.560.660.644	64.030.121.947
Công ty Cổ phần TCT Mbland	74.484.230.182	63.602.412.000
Công ty TNHH MTV Lê Đông	9.436.171.988	44.936.171.988
Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Xuân Thủy	23.583.702.296	43.832.026.782
Công ty Cổ phần IGG Hạ Long	37.722.225.466	42.686.273.283
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng COUNTRY	23.619.065.561	40.715.036.678
Các khách hàng khác	201.113.351.230	261.930.565.603
<b>Cộng</b>	<b><u>445.094.314.027</u></b>	<b><u>691.335.678.306</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV XD nền móng Hồ Gia	25.521.131.906	9.015.320.000
Công ty Cổ phần Xây Dựng Hitechcons Việt Nam	6.292.641.807	6.292.641.807
Công ty SX và TM Thuận Phát (TNHH)	6.946.542.450	5.979.664.450
Công ty TNHH nền móng và XD Tân Thịnh Phát	3.348.878.767	5.341.445.943
Công ty TNHH MTV xây dựng nền móng Như Long	3.828.056.064	5.023.754.747
Công ty TNHH MTV Lê Đông	500.952.071	1.290.511.384
Các nhà cung cấp khác	91.528.360.621	39.147.302.082
<b>Cộng</b>	<b><u>137.966.563.686</u></b>	<b><u>72.090.640.413</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**4. Phải thu khác****a) Phải thu khác ngắn hạn**

	Số kỳ này		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	2.878.402.444	-	1.020.104.817	-
Tạm ứng	3.278.464.181	-	3.588.805.364	-
Thuế GTGT Thuê tài chính	5.578.207.903	-	5.945.561.086	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	642.452.000	-	1.512.760.437	-
<b>Cộng</b>	<b>12.377.526.528</b>	<b>-</b>	<b>12.067.231.704</b>	<b>-</b>

**b) Phải thu khác dài hạn**

	Số kỳ này		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	18.540.522.000	-	18.540.522.000	-
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tây Hồ (1)</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình</i>	<i>4.036.522.000</i>	<i>-</i>	<i>4.036.522.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CTTC TNHH MTV NH TMCP Ngoại thương VN</i>	<i>3.194.000.000</i>	<i>-</i>	<i>3.194.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Công ty CTTC MTV TNHH NH TMCP Công thương VN</i>	<i>1.310.000.000</i>	<i>-</i>	<i>1.310.000.000</i>	<i>-</i>
<b>Cộng</b>	<b>18.540.522.000</b>	<b>-</b>	<b>18.540.522.000</b>	<b>-</b>

(1) Là trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam phát hành, mã trái phiếu AGRIBANK192601, mã trái chủ 150600109, số lượng là 10.000 trái phiếu với giá trị 10.000.000.000 VND. Khoản trái phiếu này đang được cầm cố theo phụ lục hợp đồng tín dụng số 0122019/DUAFAT-TH của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

**5. Hàng tồn kho**

	Số kỳ này		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	21.658.287.231	-	22.236.379.068	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	415.379.049.537	-	335.718.750.569	-
Hàng hóa	22.846.835.351	-	7.070.644.371	-
<b>Cộng</b>	<b>459.884.172.119</b>	<b>-</b>	<b>365.025.774.008</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**6. Chi phí trả trước**

**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>1.177.825.729</u>	<u>705.677.099</u>

**b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cộng	<u>110.270.781.041</u>	<u>122.093.902.102</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liên kè 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**7. Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Tại 01/01/2021	43,578,859,955	486,846,578,776	17,878,682,274	1,661,279,454	13,406,426,630	563,371,827,089
Mua trong kỳ		18,734,959,490	11,944,013,275			30,678,972,765
XDCB hoàn thành						0
Tăng khác		66,000,000				66,000,000
Chuyển sang BĐS đầu tư						0
Thanh lý nhượng bán		3,636,363,636	3,756,363,636			7,392,727,272
Giảm khác		2,576,327,272				2,576,327,272
<b>Tại 31/03/2021</b>	<b>43,578,859,955</b>	<b>499,434,847,358</b>	<b>26,066,331,913</b>	<b>1,661,279,454</b>	<b>13,406,426,630</b>	<b>584,147,745,310</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>						
Tại 01/01/2021	2,756,274,987	160,359,672,163	9,285,937,982	819,356,239	12,582,810,650	185,804,052,021
Khấu hao lũy kế trong kỳ	435,788,601	7,395,294,232	791,117,479	87,673,374	149,923,683	8,859,797,368
Tăng khác		7,272,727,272				7,272,727,272
Chuyển sang BĐS đầu tư						0
Thanh lý nhượng bán		3,636,363,636	1,829,781,838			5,466,145,474
Giảm khác						0
<b>Tại 31/03/2021</b>	<b>3,192,063,588</b>	<b>171,391,330,031</b>	<b>8,247,273,622</b>	<b>907,029,613</b>	<b>12,732,734,333</b>	<b>196,470,431,187</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại 01/01/2021	40,822,584,968	326,486,879,613	8,592,771,292	841,923,215	823,615,980	377,567,775,068
<b>Tại 31/03/2021</b>	<b>40,386,796,367</b>	<b>328,043,517,327</b>	<b>17,819,058,291</b>	<b>754,249,841</b>	<b>673,692,297</b>	<b>387,677,314,123</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Tài sản cố định thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Tại 01/01/2021	128,120,903,872	128,120,903,872
Số tăng trong năm		0
<b>Tại 31/03/2021</b>	<b>128,120,903,872</b>	<b>128,120,903,872</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>		
Tại 01/01/2021	16,488,720,406	16,488,720,406
Số tăng trong năm	2,199,363,550	2,199,363,550
Số giảm trong năm		0
-Thanh lý nhượng bán		0
-Giảm khác	7,272,727,273	7,272,727,273
<b>Tại 31/03/2021</b>	<b>11,415,356,683</b>	<b>11,415,356,683</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại 01/01/2021	111,632,183,466	111,632,183,466
<b>Tại 31/03/2021</b>	<b>116,705,547,189</b>	<b>116,705,547,189</b>

**9. Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	<b>Quyền SD Đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Tại 01/01/2021	2,915,946,645	8,383,558,359	11,299,505,004
Số tăng trong năm			0
<b>Tại 31/03/2021</b>	<b>2,915,946,645</b>	<b>8,383,558,359</b>	<b>11,299,505,004</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Tại 01/01/2021		2,915,903,276	2,915,903,276
Số tăng trong năm		556,963,197	556,963,197
Số giảm trong năm			0
-Thanh lý nhượng bán			0
-Giảm khác			0
<b>Tại 31/03/2021</b>	<b>0</b>	<b>3,472,866,473</b>	<b>3,472,866,473</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại 01/01/2021	2,915,946,645	5,467,655,083	8,383,601,728
<b>Tại 31/03/2021</b>	<b>2,915,946,645</b>	<b>4,910,691,886</b>	<b>7,826,638,531</b>

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Tăng do hợp nhất</u>	<u>Số kỳ này</u>
<i>Khác</i>	-	3.904.909	-	-	-
<i>Sàn đạo</i>	1.240.738.182	-	-	-	1.240.738.182
<i>Xây dựng nhà máy gạch tuynel</i>	58.606.506.883	17.869.022.787	-	-	76.475.529.670
<b>Cộng</b>	<b>59.847.245.065</b>	<b>17.872.927.696</b>	-	-	<b>77.720.172.761</b>

**11. Phải trả người bán****a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đầu tư XD và QL DA Việt Nam	33.862.150.397	34.766.220.435
Công ty TNHH MTV XD nền móng Hồ Gia	13.516.284.767	28.883.229.025
Công ty CP Thương mại, Dịch vụ, Du lịch	3.892.129.288	26.452.393.050
Công ty TNHH MTV Xây dựng nền móng Trung Anh	8.328.764.000	19.383.604.369
Công ty TNHH TM và XD Thu Ngân	14.859.467.842	14.567.611.362
Các nhà cung cấp khác	238.242.643.618	270.401.551.514
<b>Cộng</b>	<b>312.701.439.912</b>	<b>394.454.609.755</b>

**b) Phải trả người bán dài hạn**

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bauer technologies far east pte ltd	-	-
Công ty SANWOAT	101.993.964.445	103.295.676.445
Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân Đội	2.037.089.484	2.037.089.484
<b>Cộng</b>	<b>104.031.053.929</b>	<b>105.332.765.929</b>

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng SCG	17.279.343.091	17.279.343.091
Công ty TNHH Công nghiệp Long Sơn	4	13.038.011.800
Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng HOLDINGS	5.422.143.082	5.422.143.082
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Trung Chính	2.278.278.922	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sinh Thái Đại Dương	127.015.284	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Quản lý dự án Việt Nam	2.500.000.000	2.500.000.000
Các khách hàng khác	23.632.916.980	4.151.460.006
<b>Cộng</b>	<b>51.239.697.363</b>	<b>49.390.957.979</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Giảm do thoái	Số kỳ này
				vốn công ty con	
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.481.152.108	341.439.575	-	-	14.822.591.683
Thuế thu nhập cá nhân	53.449.340	(10.216.274)	-	-	43.233.066
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.534.601.448</b>	<b>334.223.301</b>	<b>(549.939.791)</b>	<b>-</b>	<b>48.865.824.749</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

**Các loại thuế khác**

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**14. Phải trả khác****a) Phải trả ngắn hạn khác**

	Số kỳ này	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>34.800.000.000</b>	<b>16.900.000.000</b>
Bà Nguyễn Thu Hiền	11.000.000.000	6.000.000.000
Ông Lê Văn Thịnh	11.000.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh	12.800.000.000	10.900.000.000
<b>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</b>	<b>14.605.564.451</b>	<b>14.605.564.451</b>
Kinh phí công đoàn	51.957.589	82.533.589
Bảo hiểm xã hội	95.880.000	5.376.000
Bảo hiểm y tế	16.920.000	-
Bảo hiểm thất nghiệp	7.520.000	-
Bà Đinh Thùy Linh - Phải trả về mua cổ phần	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Phan Ngọc Anh Cương - Phải trả về mua cổ phần	8.665.000.000	8.665.000.000
Ông Lại Hoài Quang - Phải trả về mua cổ phần	2.150.000.000	2.150.000.000
Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân Đội	482.331.112	482.331.112
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	220.323.750
<b>Cộng</b>	<b>49.296.065.239</b>	<b>31.505.564.451</b>

**b) Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUÀ FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**15. Vay và nợ thuê tài chính****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm		Số kỳ này	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<b>Cộng</b>	<b>615.949.522.328</b>	<b>615.949.522.328</b>	<b>566.297.950.777</b>	<b>566.297.950.777</b>

(1) Là các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tây Hồ Theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng 1506-LAV-202000308 ngày 17/4/2020

- Hạn mức cấp tín dụng: 115.000.000.000 VNĐ

- Thời hạn: Theo từng Giấy nhận nợ cụ thể

- Lãi suất cho vay trong hạn: Lãi suất áp dụng theo Thông báo của Agribank trong từng thời kỳ và cố định trên từng Giấy nhận nợ. Áp dụng lãi suất cho vay Nội tệ VNĐ tại thời điểm thẩm định là 8,5%/năm

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động thi công, xây dựng và phát hành các Bảo lãnh, mở L/C

+ Hợp đồng tín dụng 1506-LAV-202001061 ngày 17/11/2020

- Hạn mức cấp tín dụng: 205.000.000.000 VNĐ

- Thời hạn: Theo từng Giấy nhận nợ cụ thể

- Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng theo Thông báo của Agribank trong từng thời kỳ và cố định trên từng Giấy nhận nợ

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020-2021

+ Hợp đồng tín dụng 1506-LAV-202001060 ngày 17/11/2020

- Hạn mức cấp tín dụng: 245.000.000.000 VNĐ

- Thời hạn: Theo từng Giấy nhận nợ cụ thể

- Lãi suất cho vay trong hạn: Áp dụng theo Thông báo của Agribank trong từng thời kỳ và cố định trên từng Giấy nhận nợ

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động thi công xây dựng Dự án Cảng Cà Ná - Ninh Thuận

- Tài sản đảm bảo như sau cho các hợp đồng tín dụng trên là:

• Áp dụng bảo đảm tiền vay: Cấp tín dụng một phần có bảo đảm bằng tài sản. Tỷ lệ cấp tín dụng có bảo đảm bằng tài sản tối thiểu 50%/Mức cấp tín dụng.

• Giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đợt phát hành ngày 24/09/2019. Mã trái phiếu AGRIBANK192601, Mã trái chủ 150600109 do công ty cổ phần chứng khoán Agribank chứng nhận cho công ty Cổ Phần Nền Móng Đuà Fat, đã thực hiện cầm cố tài sản theo Hợp đồng cầm cố số 01/HĐCC/TRAIPIHIEU2019/DUAFAT-TH giữa Bên cầm cố là Công ty Cổ phần Nền Móng Đuà Fat và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh Tây Hồ ký ngày 18/11/2019. Giá trị Tài sản : 10.000.000.000 VNĐ (Bằng chữ : Mười tỷ đồng)

• Công cụ dụng cụ theo bảng kê số 001 ngày 02/10/2020, Hóa đơn VAT 0000032 của hợp đồng số 0104LĐ-Đuà Fat ký ngày 01/04/2019 và bảng kê số 001 ngày 08/10/2020, Hóa Đơn VAT số 0000035 của hợp đồng số 02.3/HĐMB/LĐ-ĐF ký ngày 28/04/2019 đã thực hiện thế chấp tài sản theo Hợp Đồng thế chấp số 01/2020/HĐTC/CCDC/ĐF-TH ký ngày 09/11/2020 và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định. Giá trị tài sản : 78.918.741.202 VNĐ.

• Hợp đồng cầm cố tài sản số 01/HĐCC/STK2020/DTN-DF-TH ngày 9/12/2020 là sổ tiết kiệm 25.000.000.000 VNĐ có kỳ hạn 12 tháng của Bà Đặng Thị Nhàn.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Hợp đồng thế chấp số 0122019/HĐTC/TH-ĐF-IDHD0700: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 10/2019/IDHD/HĐTC/IDJ-ĐF ngày 05/07/2019 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam và Công ty Cổ phần Nền nóng Đua Fat trị giá 7.567.912.749 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 0122019/HĐTC/TH-DF-XMLS: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số XMLS-DC3/2019/CKN-ĐF-0509 ngày 05/09/2019 giữa Công ty TNHH Long Sơn và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá: 79.710.189.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-ĐF-ECOBAVH ngày 01/10/2019: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số CT1-VH/1.0059/ECOBA-DUAFAT/03.09.2019 kí ngày 03/09/2019 giữa Công ty Cổ phần ECOBA Việt Nam và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 17.599.584.537 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-ĐF-TECCO ngày 24/10/2019: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 1016/2019HĐTCXD/TECCO-ĐF ngày 16/10/2019 giữa Công ty Cổ phần Tecco Hà Nội và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 83.000.287.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-ĐF-XT ngày 11/11/2019: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 23/2019/HĐXD/DDF-XT giữa Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Xuân Thủy và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 28.213.086.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-ĐF-APTNC10-01: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 08/2019/APTN/HĐTC/API-DUAFAT ngày 17/07/2019 giữa Công ty Cổ phần Châu Á - Thái Bình Dương và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 5.399.727.837 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-XL ngày 31/10/2019: Thế chấp tài sản với tổng giá trị 7.290.000.000 VND, bao gồm:
  - + 02 trạm trộn bê tông năng suất 80m<sup>3</sup>/h theo Hợp đồng kinh tế số 24.04.2018/HĐKT/ĐF-CIE1 ngày 24/04/2018 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat và Công ty Cổ phần Xây dựng và Thiết bị công nghiệp CIE1.
  - + 02 cần phân phối bê tông 32M và 02 máy bơm bê tông theo Hợp đồng kinh tế số 01.06.2018/HĐTM/DDF-NA kí ngày 06/06/2018 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat và Công ty TNHH thương mại sản xuất Toàn Đạt.
- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-ĐF-BVĐKQTHP: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 15/2019/HĐTC/HK-DF ngày 27/05/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 18/06/2019 giữa Công ty Cổ phần Hàng Kênh - CTCP và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 14.247.200.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012019/HĐTC/TH-ĐF-ECOBATN: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số TNGHALONG/1.0055/ECOBA-DUAFAT/18.06.2019 ngày 18/06/2019 giữa Công ty Cổ phần ECOBA Việt Nam và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 1.021.624.275 VND.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2020/HĐTC/DF-TH thế chấp các tài sản sau
  - + Máy KH850-3 Hitachi giá trị 2.278.638.575 VND.
  - + Máy cầu Sungwon CK2500 giá trị 7.347.059.220 VND.
  - + Cần trục bánh xích Hitachi KH500-3 254-0296 giá trị 4.660.199.841 VND.
  - + Cầu Hitachi KH500-3 254-0216 giá trị 3.961.696.777 VND.
  - + Máy cầu bánh xích Sumitomo LS 238 giá trị 4.121.900.826 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-HP: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 749.02/2020/HĐXD/HP-DF Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 3.303.811.539 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-LDGSKY ngày 5/8/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ hợp đồng số 54/2020/HĐTC-BN/FBV-

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

ĐP Công ty Cổ phần Xây dựng FBV và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat trị giá 2.347.741.000 VND.

- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐUAFAT-CANANINHTHUAN ngày 17/11/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ các hợp đồng:
  - + HĐTC: 3008/2020/HĐXD/TN-ĐF ngày 30/08/2020 và phụ lục hợp đồng 01 ngày 10/11/2020 giữa Công Ty Cổ Phần Cảng Quốc Tế Trung Nam Cà Ná và Công ty CP Tập Đoàn Đua Fat về Gói thầu 01A: "Thi công nạo vét, san lấp, xử lý nền giai đoạn 1A" thuộc dự án Cảng tổng hợp Cà Ná - Ninh Thuận trị giá 198.098.899.916 VND.
  - + HĐTC: 3008A/2020/HĐXD/TN-ĐF ngày 30/08/2020 giữa Công Ty Cổ Phần Cảng Quốc Tế Trung Nam Cà Ná và Công ty CP Tập Đoàn Đua Fat về Gói thầu 01B: "Thi công nạo vét, san lấp, xử lý nền giai đoạn IIB,1C" thuộc dự án Cảng tổng hợp Cà Ná – Ninh Thuận trị giá 239.901.573.779 VND.
  - + HĐTC: 3108/2020/HĐXD/TN-ĐF ngày 31/08/2020 giữa Công ty Cổ Phần Cảng Quốc Tế Trung Nam Cà Ná và Công ty CP Tập Đoàn Đua Fat về Gói thầu 03B: "Thi công xây dựng kết cấu Bến IB" thuộc dự án Cảng tổng hợp Cà Ná - Ninh Thuận trị giá 317.243.798.155 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-MBCAOXANH: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số: 2808/2020/HDXL/MBL, DF ngày 28/08/2020 giữa Công Ty Cổ Phần Tổng Công ty MBLAND và Công ty CP Tập Đoàn Đua Fat trị giá 90.988.232.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-TC ngày 4/3/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai phát sinh từ HĐTC 26/02/2020/HDXD/CHB2/ TC-ĐF ngày 26/02/2020 và phụ lục giá trị hợp đồng đi kèm giữa Công ty TNHH Thương Mại và Xây Dựng Trung Chính và Công ty CP Tập Đoàn Đua Fat trị giá 2.621.918.400 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-525 ngày 1/4/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 5.090.800.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2020/HĐTC/CCDC/DF-TC ngày 9/11/2020: Công cụ dụng cụ theo bảng kê số 001 ngày 02/10/2020 của hợp đồng số 0104LD-Đua Fat ký ngày 01/04/2019 và bảng kê số 001 ngày 08/10/2020 của hợp đồng số 02.3/HĐMB/LĐ-ĐF ký ngày 28/04/2019. Giá trị Tài sản thế chấp: 78.918.741.202 VNĐ.
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2020/HĐTC/CCDC/DF-TH ngày 25/12/2020 Lô vật tư thiết bị dây chuyền PRD cho Tàu Khoan theo Hợp đồng mua bán số 635.2018.HPDQ-DUAFAT ký ngày 01/10/2018 giữa Công ty cổ phần nền móng Đua Fat và Công ty cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất với giá trị được xác định tại thời điểm định giá theo giá trị thị trường không bao gồm VAT là: 47.545.519.458 VNĐ. Lô vật tư CCDC thuộc Tổ hợp máy khoan cọc nhồi bằng phương pháp xoay đập khi nén - PRD ( Số 1) với giá trị được xác định tại thời điểm định giá theo giá trị thị trường không bao gồm VAT là: 6.465.834.716 VNĐ. Lô vật tư CCDC thuộc Tổ hợp máy khoan cọc nhồi bằng phương pháp xoay đập khí nén - PRD (Số 2) với giá trị được xác định tại thời điểm định giá theo giá trị thị trường không bao gồm VAT là: 14.656.290.506 VNĐ
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-CT ngày 5/11/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 12.214.830.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-CUALUC ngày 21/12/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 17.640.000.000 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-DGTANLINH ngày 24/12/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 9.886.243.788 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-GAMUDA ngày 24/12/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 27.110.715.411 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-HANDONG ngày 11/08/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 12.028.467.423 VND.
- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-LOTE ngày 23/03/2020: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 104.161.577.556 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Hợp đồng thế chấp số 012020/HĐTC/TH-ĐF-XXMT: Thế chấp toàn bộ giá trị quyền đòi nợ hình thành trong tương lai trị giá 33.950.975.000 VND.

(2) Là các khoản vay của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội Theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 108.0112/2020/HĐTD-PN/PGBankHN ngày 20/01/2020

- Số tiền vay: 100.000.000.000 VND
- Thời hạn: 9 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày PG Bank giải ngân vốn vay lần đầu
- Lãi suất: Quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể theo thỏa thuận của 2 bên trên cơ sở LSCV được PG Bank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo Thông báo của PG Bank trong suốt thời gian vay.
- Mục đích: Nêu chi tiết trong từng Khế ước nhận nợ/ Hợp đồng cấp tín dụng/ Hợp đồng cấp Bảo lãnh
- Tài sản đảm bảo gồm các tài sản sau:

- Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai từ Hợp đồng thi công xây dựng công trình số 12/2019/CKN-ĐF ngày 12/12/2019 giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat) và Công ty Cổ phần Xi măng Thành Thắng về việc Thi công toàn bộ cọc khoan nhồi thuộc Dự án dây chuyền 4 - Nhà máy xi măng Thành Thắng, giá trị Hợp đồng: 198.602.408.799 đồng.

- Hàng hóa hình thành trong tương lai phát sinh từ 2 hợp đồng số 84/230917/DF-SW ngày 25/09/2017 ký với Sunward Intelligence (H.K) Limited và số UDBQ20171103G ngày 03/10/2017 ký với Unidrill Technologies Co., Ltd. Trị giá 53.120.000.000 VND.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 62, tờ bản đồ 02 (khu đô thị), địa chỉ tại ô số 15, liên kê 10, khu đô thị Xa La, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số 628607 do Sở Tài nguyên môi trường Thành phố Hà Nội cấp ngày 28/07/2018. Giá trị: 10.005.240.000 VND.

- Quyền tài sản phát sinh từ 19 căn hộ cao cấp thuộc Khu căn hộ Tecco Skyville Tower thuộc xã Ngũ Hiệp và Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Trị giá 22.310.050.000 VND.

- Căn hộ chung cư số 704, nhà chung cư CT8A, khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội. Trị giá: 1.270.550.000 VND

- Căn hộ chung cư số 708, nhà chung cư CT8A, khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD993095 và sổ vào sổ CH-00898 cấp ngày 13/10/2011. Trị giá: 1.666.800.000 VND.

- 01 máy cần trục bánh xích Hitachi màu đỏ, biển kiểm soát 29XA-1438, số khung: 2540288, số động cơ: 6RB1501526, đăng kiểm xe số 05465/XMCD do Sở Giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 24/09/2018. Trị giá: 6.000.000.000 VND.

- 01 máy cần trục bánh xích Hitachi màu vàng, biển kiểm soát 29XA-1490, số khung: 2540296, số động cơ: 6RB15018342, đăng kiểm xe số 05466/XMCD do Sở Giao thông vận tải Hà Nội cấp ngày 24/09/2018. Trị giá: 6.000.000.000 VND.

- 01 máy cần trục bánh xích Kolbeco CKE 2500-2, số khung JD0402441, số động cơ: P11CUN11771. Trị giá: 14.736.400.000 VND.

- 01 máy cần trục bánh xích SumitomoLS238RH, số động cơ: 6D22146120, số khung: LS2380060. Trị giá: 5.300.000.000 VND.

- 01 máy cầu Hitachi KH500-3, số động cơ: 6RBI-504040, số khung: 254-0216. Trị giá: 5.400.000.000 VND.

- 01 máy khoan cọc nhồi Sany RSI50C và 01 máy cần trục bánh xích Hitachi KH850-3. Trị giá: 14.170.000.000 VND

- 02 tổ hợp máy khoan cọc nhồi bằng phương pháp xoay đắp nền - PRD. Trị giá: 27.841.135.636 VND.

- 09 máy khoan cọc nhồi. Trị giá: 176.361.560.150 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Toàn bộ lô máy móc thiết bị phụ trợ hình thành từ vốn vay mua từ Công ty Hòa Phát theo Hợp đồng mua bán số 635.2018.HPDQ-DUAFAT. Trị giá 101.796.670.008 VND.
- Tài sản đảm bảo hình thành từ vốn vay là máy cầu thủy lực bánh xích hiệu Hitachi, model KH250D và 01 máy cầu thủy lực bánh xích Hitachi model CX550. Trị giá: 8.994.000.000 VND
- Máy khoan cọc nhồi thủy lực ED550 hiệu Nippon Sharyo. Trị giá: 6.864.000.000 VND.
- Máy cầu thủy lực hiệu Nissha DH500-5. Trị giá: 3.000.000.000 VND
- Phao búa đóng cọc. Trị giá: 18.350.348.785 VND.
- 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có địa chỉ tại lô số TT19 - Ô số 42 - Khu đô thị mới Văn Phú, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội theo Giấy chứng nhận số BY 045513 thuộc quyền sở hữu của ông Lê Duy Hưng và bà Trần Thị Hồng Nhung. Trị giá: 5.087.750.000 VND.
- 01 (Một) sàn tự nâng Jack Up Barge, xuất xứ Hàn Quốc, hoán cải năm 2011 theo Hợp đồng mua bán số 01-HĐMB/ĐF-TA ký ngày 02/05/2019 giữa Công ty cổ phần nền móng Đua Fat và Công ty cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Xây dựng Thành An; Hóa đơn giá trị gia tăng số 000394 ngày 05/06/2019 của Công ty cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Xây dựng Thành An. Trị giá 43.890.000.000 VND.
- Tổng giá trị tài sản bảo đảm (bằng số): 732.037.776.558. Các tài sản đảm bảo hiện đang được đảm bảo tại PGBank (không bao gồm các các quyền phải thu/đòi nợ) cũng sẽ được dùng đảm bảo đồng thời cho khoản vay lần này.

(3) Là các khoản vay của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long Theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 0225/2018/HĐTD-OCB-DN ngày 05/07/2018 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0225.02/2020/SĐBS-HĐTD-OCB-DN ngày 18/05/2020

- Hạn mức: 129.269.000.000 VNĐ

- Thời gian: 12 tháng

- Lãi suất: Được điều chỉnh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cụ thể. OCB được quyền ấn định lãi suất đối với các khoản cấp tín dụng tại Hợp đồng cấp tín dụng cụ thể cho các kỳ điều chỉnh lãi suất khi xảy ra sự kiện biến động thị trường.

- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động thực hiện thi công công trình theo Hợp đồng thi công xây dựng số 308.05/2018/HĐXD/HP-DDF ngày 06/06/2018 ký giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat) và Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất về việc thi công hạng mục: Thi công bến cảng 10 + 11 thuộc Dự án Cảng chuyên dùng. Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát - Dung Quất - Giai đoạn 1.

- Tài sản đảm bảo: Quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số 308/05/2018/HĐXD/HP- ĐF ngày 6/6/2018 ký giữa Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất và Công ty về việc thi công hạng mục: "Thi công bến cảng 10+11 thuộc Dự án Cảng chuyên dùng, Dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát- Dung Quất- Giai đoạn 1". Giá trị tài sản đảm bảo: 600.000.000.000 VND.

- Trường hợp Bên được cấp tín dụng được OCB cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm (một phần hoặc toàn bộ khoản cấp tín dụng), Bên được cấp tín dụng cam kết và đảm bảo với OCB các nội dung sau: Đồng ý vô điều kiện và không hủy ngang cho OCB được toàn quyền xử lý (hoặc chỉ định bên thứ ba xử lý) bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của Bên được cấp tín dụng trong trường hợp OCB thu hồi nợ vay (bao gồm cả thu hồi nợ trước hạn).

(4) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 96/2020/HDHM-PN/SHB.110600

- Hạn mức: 600.000.000.000 đồng

- Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày giải ngân

- Lãi suất: Cụ thể theo từng kế ước vay nợ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Mục đích: Sử dụng vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ các hoạt động thi công xây dựng
- Tài sản đảm bảo: Quyền đòi nợ hình thành trong lương lai/ đã hình thành của các đối tác lớn theo như thỏa thuận tại Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 96/2020/HDHM-PN/SHB.110600.

(5) Là các khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Sơn Tây theo các hợp đồng tín dụng sau:

- + Hợp đồng cấp tín dụng Hạn mức số: 113/2020/HDBD/STY/02 ngày 19/05/2020
- Hạn mức: 150.000.000.000 đồng
- Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký HĐTD
- Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 15/2019/HDBD/STY/01 ngày 26/03/2019, thế chấp toàn bộ quyền đòi nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng, dự án, các khoản phải thu, các quyền lợi khác phát sinh từ Hợp đồng số 540.02/2019/HĐXD/HP-ĐF ngày 15/03/2019 trị giá 64.008.602.761 VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUFA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Cộng	Số đầu năm		Số kỳ này	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	<u>205.431.378.150</u>	<u>205.431.378.150</u>	<u>243.325.016.775</u>	<u>243.325.016.775</u>

(1) Là các khoản vay của Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội Theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 108.1068/2017/HĐTĐ-DN/PGBankHN ngày 30/06/2017 ký giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội

- Số tiền vay: 12.831.936.810 VND

- Thời gian: 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày rút vốn vay lần đầu

- Lãi suất: 9,5%/năm

- Mục đích: Tài tài trợ khoản đầu tư Phao búa đóng cọc theo Hợp đồng mua bán số 2011/DUAFATSJJIN/2016 ký ngày 02/01/2016 giữa tập đoàn SJJIN, Hợp đồng kinh tế số 292HĐKT/QVDF/2016 ngày 29/02/2016 (Hóa đơn GTGT số 0000043 ngày 29/06/2016, số 0000055 ngày 24/10/2016) giữa Công ty CP TMXD và Xuất nhập khẩu Quốc Việt, Hợp đồng kinh tế số 0357/16/HĐKT/HMCDDF ngày 11/11/2016 (Hóa đơn GTGT số 0000011 ngày 21/12/2016) giữa Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật Hoàng Minh và Công ty.

- Tài sản đảm bảo: Quyền sở hữu và quyền thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ của 01 phao búa đóng cọc (Bao gồm Xà lan và các thiết bị trên Boong) hình thành từ vốn vay, thuộc quyền sở hữu của Bên vay có đặc điểm cụ thể như sau:

- Tên phương tiện: Phao búa đóng cọc/TKT762

- Công dụng: Tàu đóng cọc bê tông

- Số đăng kiểm: V3301181

- Tổng giá trị tài sản đảm bảo nêu trên: 18.331.338.300 VND

+ Hợp đồng tín dụng số 108.1494/2016/HĐTĐNT-DN/PGBankHN ngày 31/03/2016

- Số tiền vay: 21.843.600.000 VND

- Thời hạn: 60 tháng, kể từ ngày rút vốn đầu tiên

- Lãi suất: 9,5% năm đầu tiên, các năm sau thay đổi 3 tháng/lần theo hạng khách hàng

- Mục đích: Tài tài trợ khoản đầu tư 02 hệ thống Máy khoan cọc nhồi PRD theo các Giấy vay tiền ngày 01/11/2015 giữa Bên vay với Ông Phan Bá Sơn, Ông Trần Văn Hùng và Bà Nguyễn Thị Thùy Linh.

- Bảo đảm tiền vay: Thẻ chấp 02 tổ hợp máy khoan cọc nhồi bằng phương pháp xoay đập khí nén PRD. Tổng giá trị tài sản bảo đảm nêu trên: 36.406.000.000 VND.

+ Hợp đồng tín dụng số 108.0172/2016/HĐTĐ-PN/PGBankHN ngày 25/01/2019

- Số tiền vay: 70.000.000.000 VND

- Thời hạn: 36 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày PG Bank giải ngân vốn vay lần đầu

- Lãi suất: Quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể theo thỏa thuận của 2 bên trên cơ sở LSCV được PG Bank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo Thông báo của PG Bank trong suốt thời gian vay.

- Mục đích: Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị phụ trợ theo Hợp đồng mua bán số 635.2018.HDDQ-Duafat ngày 01/10/2018 giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đua Fat) và Công ty Cổ phần thép Hòa Phát Dung Quất

- Bảo đảm tiền vay: Quyền tài sản phát sinh từ 19 căn hộ chung cư, giá trị: 22.310.050.000 đồng

- 01 máy cần cẩu trục bánh xích Kobelco, giá trị: 14.736.400.000 đồng

- Toàn bộ lô máy móc thiết bị phụ trợ, giá trị: 101.796.670.008 đồng"



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUÀ FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- + Hợp đồng tín dụng số 108.1333/2019/HĐTD-PN/PGBankHN ngày 07/09/2019
  - Số tiền vay: 8.382.000.000 đồng
  - Thời hạn: 72 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày PG Bank giải ngân vốn vay lần đầu
  - Lãi suất: Quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể theo thỏa thuận của 2 bên trên cơ sở LSCV được PG Bank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo Thông báo của PG Bank trong suốt thời gian vay.
  - Mục đích: Tái tài trợ chi phí đầu tư, xây dựng văn phòng tại địa chỉ LK10-TV30, Khu nhà ở Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và hoặc được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ.
  - Bảo đảm tiền vay: Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 2 có địa chỉ tại LK10-VT30, khu nhà ở Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 448482, số vào sổ cấp GCN: CT-DA01443 do Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 17/07/2018 thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Nền móng Đuà Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đuà Fat); Giá trị tài sản đảm bảo: 9.862.300.000 đồng
  
- + Hợp đồng tín dụng số 108.1834/2019/HĐTD-PN/PGBankHN tháng 12/2019
  - Số tiền vay: 29.850.000.000 đồng
  - Thời hạn: 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày PG Bank giải ngân vốn vay lần đầu
  - Lãi suất: Quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể theo thỏa thuận của 2 bên trên cơ sở LSCV được PG Bank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo Thông báo của PG Bank trong suốt thời gian vay.
  - Mục đích: Thanh toán tiền mua 01 sà n tự nâng Jack Up Barge theo Hợp đồng mua bán số 01-HĐMB/ĐF-TA ngày 02/05/2019 giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đuà Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đuà Fat) và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Xây dựng Thành An.  
Bảo đảm tiền vay: 01 sà n tự nâng Jack Up Barge theo Hợp đồng mua bán số 01-HĐMB/ĐF-TA ngày 02/05/2019 giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đuà Fat (nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đuà Fat) và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Xây dựng Thành An; Giá trị tài sản đảm bảo: 43.890.000.000 đồng.
  - Tài sản đảm bảo: 01 Sà n nâng tự động Jack Up Barge, xuất xứ Hàn Quốc, hoán cải năm 2011 theo Hợp đồng mua bán số 01-HĐMB/ĐF-TA ngày 02/05/2019 giữa Công ty Cổ phần Nền móng Đuà Fat và Công ty Cổ phần Dịch vụ và Kỹ thuật Xây dựng Thành An. Tổng giá trị: 43.890.000.000 VND.
  
- + Hợp đồng tín dụng số 108.2511/2016/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 17/11/2016 ký giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội
  - Số tiền vay: 123.000.000.000 VND
  - Thời gian: 96 tháng
  - Lãi suất: 9%/năm
  - Mục đích: Đầu tư mua 09 máy khoan cọc nhồi nâng cao năng lực thi công phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh
  - Tài sản đảm bảo: Hợp đồng mua bán kiêm thỏa thuận mua cổ phần số 01/ĐFHT, 02/ĐFHT, 03/ĐFHT, 04/ĐFHT giữa Công ty và Công ty Cổ phần xây dựng Hitechcons Việt Nam ký ngày 20/09/2016
  - Hợp đồng mua bán kiêm thỏa thuận mua cổ phần số 01/ĐFHT giữa Công ty và Công ty Cổ phần Vận tải Đăng Kiên ký ngày 20/09/2016
  - Hợp đồng mua bán kiêm thỏa thuận mua cổ phần số 01/ĐFHT, 02/ĐFHT, 03/ĐFHT, 04/ĐFHT giữa Công ty và Công ty TNHH Một thành viên Lê Đông ký ngày 15/09/2016

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Tài sản hình thành từ vốn vay, 09 máy khoan cọc nhồi đã qua sử dụng trị giá 197.450.000.000 VND.

+ Hợp đồng tín dụng số 108/1769/2016/HĐTD-DN/PGBankHN ngày 26/07/2016 ký giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội

- Số tiền vay: 8.700.000.000 VND

- Thời gian: 60 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên.

- Lãi suất: 9%/năm trong vòng 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân.

- Mục đích: Tái tài trợ khoản đầu tư Máy khoan cọc nhồi Sany SR150C và máy cẩu Hitachi KH580 - 3

- Tài sản đảm bảo: Thế chấp 01 máy khoan cọc nhồi Sany RS150C và máy cẩu cần trục bánh xích Hitachi KH 580-3

• Giá trị quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với thửa đất tại tờ bản đồ có địa chỉ ở Điểm CNTT CN xã Trường Yên, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 395859, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T00455 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 27/07/2007.

(2) Theo hợp đồng tín dụng số LD1701700054 ngày 17/01/2017 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Thăng Long.

- Số tiền vay: 1.917.000.000 VND,

- Mục đích: Mua ô tô

- Thời gian: 72 tháng tính từ ngày nhận tiền đầu tiên

- Lãi suất: Lãi suất 3 tháng đầu là 9,5%/năm kể từ ngày giải ngân. Kể từ tháng thứ 4: lãi suất áp dụng theo mức lãi suất huy động tiền gửi VND kỳ hạn 13 tháng cộng biên độ theo quy định vay.

- Tài sản đảm bảo: Tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu FORD EXPLORER biển kiểm soát: 30E-903.67.

(3) Là các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Láng Hạ theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số 1636500054/HĐTD ngày 30/12/2016 ký giữa Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Láng Hạ

- Số tiền vay: 8.000.000.000 VND

- Mục đích vay: Thanh toán bù đắp một phần tiền mua 01 xe ô tô con, nhãn hiệu LAND ROVER, số loại SV Autobiography, biển kiểm soát 30E-699.68

- Thời gian: 60 tháng

- Lãi suất: Lãi suất cụ thể trong từng khế ước nhận nợ

- Tài sản đảm bảo: Xe ô tô con, nhãn hiệu LAND ROVER, số loại SV Autobiography, biển kiểm soát 30E-699.68

+ Hợp đồng tín dụng từng lần số 1834800008/HĐTDTL ngày 11/12/2018

- Số tiền vay: 1.470.000.000 VND

- Mục đích vay: Bổ sung vốn thanh toán tiền mua 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA LAND CRUISER PRADO TX-L đã qua sử dụng, sản xuất năm 2016 theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 2410/2018/HĐMBXOTO ngày 24/10/2018 giữa Công ty Cổ phần nền móng Đua Fat với Ông Ngô Mạnh Hà và Bà Nguyễn Minh Huệ

- Thời gian: 60 tháng

- Lãi suất: Quy định tại từng Khế ước nhận nợ

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liên kê 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Tài sản đảm bảo: 01 xe ô tô con, 7 chỗ ngồi nhãn hiệu: TOYOTA, số loại: LANCRUISER PRADO TX-L, màu Đen, đã qua sử dụng biển kiểm soát 30F-420.89, số khung 3FJ805100285, số máy 18110102TR theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 2410/2018/HĐMBXOTO ngày 24/10/2018 giữa Công ty với Ông Ngô Mạnh Hà và Bà Nguyễn Minh Huệ.

+ Hợp đồng tín dụng từng lần số: 1834700400/HĐTC ngày 14/12/2018

- Số tiền vay: 5.100.000.000 VND

- Thời hạn: 60 tháng kể từ ngày 17/12/2018 đến ngày 17/12/2023

- Lãi suất: 8.49%/ năm trong 12 tháng đầu. Lãi suất cho vay từ tháng 13 trở đi bằng Lãi suất VND kỳ hạn 14 tháng của sản phẩm tiết kiệm linh lãi cuối kỳ đối với khách hàng cá nhân + biên độ lãi suất 3.5% năm.

- Mục đích: Thanh toán một phần tiền mua 01 xe Mercedes - Benz, model G63 AMG đã qua sử dụng theo Hợp đồng mua bán số 0111/2018 HĐMBOTO ngày 01/11/2018 cho Công ty TNHH Xuất nhập khẩu & Dịch vụ Minh Đạt

- Tài sản đảm bảo: Xe Mercedes-Benz, số loại G63 màu đen, biển kiểm soát 30F - 473.12 có giá trị đảm bảo là : 7.300.000.000 đồng

+ Hợp đồng tín dụng từng lần số 1921200099/HĐTDTL ngày 31/07/2019

- Số tiền: 15.290.000.000 VND

- Mục đích vay: Thanh toán bù đắp vay vốn đầu tư tài sản cố định là 01 bất động sản tại thửa đất số 157, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: BT1-A36 Khu đô thị mới Văn Quán - Yên Phúc, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 268977, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 0074 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 24/01/2019 cho Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat) theo Hợp đồng vay vốn số 0901/HĐVV ngày 09/01/2019 giữa ông Lê Văn Thịnh và Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat.

- Thời gian: 120 tháng

- Lãi suất: Được quy định tại từng khế ước nhận nợ cụ thể và theo biểu lãi suất cho vay với từng phân khúc khách hàng tại thời điểm giải ngân

- Tài sản đảm bảo: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CQ 268977, số vào sổ cấp GCN: CT-DA 0074 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 24/01/2019 cho Công ty Cổ phần Nền móng Đua Fat. Giá trị: 19.119.382.000 VND.

(4) Là các khoản vay của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng cho vay số 16\_08.16/HĐTD/STY ngày 10/08/2016

- Số tiền vay: 506.250.000 VND

- Mục đích: Mua 01 xe ô tô Ford Ranger

- Thời gian: 60 tháng kể từ ngày giải ngân

- Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ

- Tài sản đảm bảo: 01 xe Ford Ranger, biển kiểm soát 29C-733.74, giá trị tài sản đảm bảo: 675.000.000 VND.

+ Hợp đồng cho vay số 195/2017/HĐTD/STY/01 ngày 29/05/2017

- Số tiền vay: 15.000.000.000 VND

- Mục đích: Thanh toán tiền mua 01 khoan hiệu Bauer BG42

- Thời gian: 60 tháng từ 31/05/2017 đến 30/05/2022

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: 01 máy khoan cọc nhồi nhãn hiệu Bauer BG42, xuất xứ: Đức, giá trị tài sản đảm bảo: 22.423.000.000 VND

+ Hợp đồng cho vay số 223/2017/HĐTD/STY/01 ngày 20/06/2017

- Số tiền vay: 1.264.000.000 VND
- Mục đích: Thanh toán tiền mua 02 xe ô tô
- Thời gian: 60 tháng từ 21/06/2017 đến 20/06/2022
- Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: 01 xe FORDRANGERXLT, biển kiểm soát 29C-767.83 và 01 xe FORDRANGERWILDTRAK, biển kiểm soát 29C-767.62

+ Hợp đồng cho vay số 180/2017/GNN/STY/01 ngày 20/05/2017

- Số tiền vay: 40.000.000.000 VND
- Mục đích vay: Thanh toán tiền nhập khẩu 06 máy khoan hiệu Sunward SWDM25 theo hợp đồng ngoại số 84DF-1604HKS ngày 13/09/2016 ký giữa Công ty và Sunward Intelligent,. Ltd
- Thời gian: 60 tháng từ 01/07/2017 đến 30/06/2022
- Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: 06 máy khoan cọc nhồi nhãn hiệu SUNWARD SWDM25, tổng giá trị tài sản đảm bảo: 72.360.000.000 VND

+ Hợp đồng cho vay số 359/2017/HĐTD/STY/01 ngày 22/09/2017

- Số tiền vay: 919.000.000 VND
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô phục vụ đi lại của Công ty
- Thời gian: 60 tháng từ ngày 23/09/2017 đến 22/09/2022
- Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: 01 xe Toyota Fortuner, biển kiểm soát 30E-877.60, giá trị tài sản đảm bảo: 1.149.000.000 VND

+ Hợp đồng cho vay số 01/2016/HĐTD/STY/01 ngày 26/08/2016

- Số tiền vay: 3.990.000.000 VND
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 08 xe ô tô hiệu Ford Ranger XLS AT 2.2 4x2
- Thời gian: 60 tháng kể từ ngày giải ngân
- Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: 02 xe Ford, biển kiểm soát 29C-744.17 và 29C-743.89, tổng giá trị tài sản đảm bảo: 1.350.000.000 VND

+ Hợp đồng cho vay số 265/2018/HĐTD/STY/01 ngày 25/6/2018

- Số tiền vay: 1.481.900.000 VND
- Mục đích vay: Mua xe oto theo Hợp đồng mua bán số 19042018/HĐMB kí ngày 19/4/2018 giữa Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hưng Phát và Công ty.
- Thời gian: 36 tháng từ ngày 27/06/2018 đến ngày 16/06/2021
- Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: Theo hợp đồng đảm bảo số 265/2018/HĐBD/STY/01 ngày 25/6/2018

+ Hợp đồng cho vay số 409/2020/HĐTD/STY/01 ngày 8/1/2021

- Số tiền vay: 1.936.050.000 VND
- Mục đích: Thanh toán tiền mua 02 xe Vinfast Lux SA 2.0

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Thời gian: 60 tháng từ 5/1/2021 đến 4/1/2021
- Lãi suất: Lãi suất được quy định tại từng văn bản nhận nợ
- Tài sản đảm bảo: hai xe Vinfast Lux SA 2.0, giá trị tài sản đảm bảo: 2.581.400.000 VND

(5) Hợp đồng vay vốn số 0203/HĐVV ngày 02/03/2017 của Công ty Cổ phần Hóa dầu Quân đội, thời hạn cho vay: không thời hạn, lãi suất: 0% để phục vụ sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đăng ký của Công ty

(6) Là các khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng thuê tài chính sau:

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.075/2016/TSC-CTTC ngày 14/12/2016

- Tài sản thuê: 01 máy khoan cọc nhồi nhãn hiệu BAUER BG30, xuất xứ: Đức, sản xuất năm: 1989

- Giá trị tài sản cho thuê (tạm tính) là: 8.000.000.000 đồng. Giá đã bao gồm thuế VAT 10%

- Thời hạn cho thuê 48 tháng

- Lãi suất cho thuê: 9%/năm áp dụng trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

- Tài sản đảm bảo: Công ty cam kết chuyển cho Công ty cho thuê tài chính một khoản tiền ký cược là 200.000.000 VND và không được hưởng lãi trên số tiền này

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.095/2019/TSC-CTTC ngày 31/12/2019

- Tài sản thuê: 01 máy khoan cọc nhồi đã qua sử dụng, hiệu BAUER, mã kiểu loại BG42, nước sản xuất: Đức, năm sản xuất: 2012, số khung BS11561004, số động cơ BDN01191.

- Giá trị tài sản cho thuê (tạm tính) là: 28.746.666.666 VND.

- Thời gian cho thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, trừ khi hợp đồng bị chấm dứt trước hạn theo quy định của hợp đồng.

- Lãi suất cho thuê: 9%/năm trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ ngày lãi suất trên kết thúc, lãi suất được xác định như sau: Lãi suất cho thuê tài chính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam áp dụng với Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng 3%/năm và định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không thấp hơn lãi suất cho thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Tài sản đảm bảo: Công ty cam kết chuyển cho Công ty cho thuê tài chính một khoản tiền ký cược là 400.000.000 VND và không được hưởng lãi trên số tiền này.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.001/2019/TSC-CTTC ngày 11/01/2019

- Tài sản thuê: 01 cần trục bánh xích nhãn hiệu LIEBHERR HS855D, nước sản xuất: Áo, năm sản xuất: 2009, số khung: 184729, số máy: 2008140377, đã qua sử dụng.

- Giá trị tài sản cho thuê (tạm tính) là: 16.500.000.000 VND (đã bao gồm VAT).

- Thời gian cho thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, trừ khi hợp đồng bị chấm dứt trước hạn theo quy định của hợp đồng.

- Lãi suất cho thuê: 9,5%/năm trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ ngày lãi suất trên kết thúc, lãi suất được xác định như sau: Lãi suất cho thuê tài chính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng 2,5%/năm và định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày đầu tiên nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

- Tài sản đảm bảo: Công ty cam kết chuyển cho Công ty cho thuê tài chính một khoản tiền ký cược là 500.000.000 VND và không được hưởng lãi trên số tiền này

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 17.20.04/CTTC ngày 7/07/2020

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Tài sản thuê: Máy khoan cọc nhồi Bauer BG46 Premium Line, Model: BG46, Nước sản xuất: Germany, Năm sản xuất: 2016, Số khung: BS11561028, Số máy: BDN01383, đã qua sử dụng
- Giá trị tài sản cho thuê (tạm tính) là: 46.586.327.592 VND (đã bao gồm VAT).
- Số tiền cho thuê: 30.280.000.000 VND.
- Số tiền trả trước: 16.306.327.592 VND
- Số tiền ký quỹ: 1.846.000.000 VND
- Thời gian cho thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, trừ khi hợp đồng bị chấm dứt trước hạn theo quy định của hợp đồng.
- Lãi suất cho thuê: 9,5%/năm trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ ngày lãi suất trên kết thúc, lãi suất được xác định như sau: Lãi suất cho thuê tài chính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng 2,5%/năm và định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày đầu tiên nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

+ Hợp đồng cho thuê tài chính số 17.20.01/CTTC ngày 15/4/2020

- Tài sản thuê: Máy khoan cọc nhồi Bauer BG46 Premium Line, Model: BG46, Nước sản xuất: Germany, Năm sản xuất: 2016, Số khung: BS11561028, Số máy: BDN01383, đã qua sử dụng
- Giá trị tài sản cho thuê (tạm tính) là: 46.586.327.592 VND (đã bao gồm VAT).
- Số tiền cho thuê: 30.280.000.000 VND.
- Số tiền trả trước: 16.306.327.592 VND
- Số tiền ký quỹ: 1.846.000.000 VND
- Thời gian cho thuê 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ, trừ khi hợp đồng bị chấm dứt trước hạn theo quy định của hợp đồng.
- Lãi suất cho thuê: 9,5%/năm trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kể từ ngày lãi suất trên kết thúc, lãi suất được xác định như sau: Lãi suất cho thuê tài chính bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cộng 2,5%/năm và định kỳ điều chỉnh 3 tháng/lần kể từ ngày đầu tiên nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay trung hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam quy định trong từng thời kỳ và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần.

(7) Là các khoản thuê tài chính của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo hợp đồng cho thuê tài chính số 13/18.09/CTTC ngày 23/8/2018.

- Tài sản thuê:
  - 01 cần trục bánh xích 150 tấn, hiệu Sany, model SCC1500D, động cơ Cummins, 242 kW, số khung: 1110150DPT00006, trị giá 11.000.000.000 VND
  - 01 cần trục bánh xích hiệu Sumitomo, model: LS-248RH, serial: LS248-0135, động cơ Diesel, số máy: 6D22194099, trị giá 7.500.000.000 VND.
- 01 cần trục bánh xích hiệu Hitachi, model KH500-3, serial: 254-0290, động cơ Diesel, số máy 6RB1-508103, trị giá: 5.500.000.000 VND.
- Mục đích: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên B theo đúng quy định trong Giấy phép kinh doanh và phương án thuê tài chính
- Số tiền cho thuê: 13.090.909.091 VND
- Số tiền ký quỹ: 720.000.000 VND
- Thời hạn cho thuê 48 tháng
- Lãi suất cho thuê: Lãi suất tính bằng lãi suất cơ bản của Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN công bố cộng biên độ 3,3%/năm
- Tài sản đảm bảo: Không áp dụng điều kiện đảm bảo

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liên kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**16. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Lợi ích cổ đông không kiểm soát</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm	<u>400.000.000.000</u>	<u>70.629.118.587</u>	<u>299.593.471</u>	<u>470.928.712.058</u>
Lợi nhuận trong kỳ	-	1.365.758.301	-	1.365.758.301
Số dư cuối kỳ này	<u>400.000.000.000</u>	<u>71.994.876.888</u>	<u>299.593.471</u>	<u>472.294.470.359</u>

**b) Cổ phiếu**

	<u>Số kỳ này</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	40.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	40.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	40.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**  
*a, Tổng doanh thu*

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	167.211.988.445	887.155.065.942
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	-	189.995.104.294
<i>Doanh thu kinh doanh hàng hóa bất động sản</i>	-	11.082.975.847
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	127.180.654.006	565.983.183.875
<i>Doanh thu cho thuê tài sản</i>	40.031.334.439	120.093.801.926
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>167.211.988.445</u></b>	<b><u>887.155.065.942</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	187.451.199.718
Giá vốn của hàng hóa bất động sản đã bán	-	11.082.975.847
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	122.796.162.324	488.943.794.579
Giá vốn cho thuê tài sản	20.129.092.766	98.045.567.073
<b>Cộng</b>	<b><u>142.925.255.090</u></b>	<b><u>785.523.537.217</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>11.407.833</u></b>	<b><u>2.776.087.294</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>18.745.611.535</u></b>	<b><u>60.567.913.332</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.554.830.000	7.341.604.081
Chi phí vật liệu quản lý	321.744.107	550.261.349
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.806.974.812	5.297.478.317
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	96.928.112	408.278.500
Các chi phí khác	1.365.921.002	5.373.008.617
<b>Cộng</b>	<b><u>5.149.398.033</u></b>	<b><u>18.973.630.864</u></b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	73.418.202	1.484.594.376
Thanh lý công cụ, dụng cụ		-
Tiền bồi thường	291.786.209	2.898.238.302
Thu nhập khác	1.919.850.508	41.501
<b>Cộng</b>	<b><u>2.285.054.919</u></b>	<b><u>4.382.874.179</u></b>

**7. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>980.988.663</u></b>	<b><u>229.529.328</u></b>

**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.707.197.876	29.019.416.674
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b><u>1.707.197.876</u></b>	<b><u>29.040.763.994</u></b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b><u>341.439.575</u></b>	<b><u>5.808.152.799</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐUA FAT**

Địa chỉ: Số 15, Liền kề 10, Khu đô thị Xa La, P. Phúc La, Quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam


**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	1.365.758.301	23.211.263.875
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.365.758.301	23.211.263.875
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	40.000.000	40.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>34</b>	<b>580</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	40.000.000	40.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>40.000.000</b>	<b>40.000.000</b>

Lập ngày 29 tháng 04 năm 2021

Người lập biểu **Nguyễn Trọng Tài**

Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Thủy**

Chủ tịch Hội đồng quản trị


**Lê Duy Hưng**
